

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 12/7/2022  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình, ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Hiếu Trung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trần Quốc Vũ;

- Ông Lê Gia Thắng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kim Thoa –Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2022/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST - DS ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa:

1. *N đơn:* Bà Nguyễn Thị Lệ C, sinh năm 1997, địa chỉ: tổ A, ấp Th, xã P, thành phố X, tỉnh An Giang; (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Tường N, sinh năm 1998, địa chỉ: tổ B, ấp Th, xã P, thành phố X, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, N đơn bà Nguyễn Thị Lệ C trình bày: Bà C và ông N tự tìm hiểu yêu thương và chung sống với nhau vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố X, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/2019, ngày 24/12/2019. Trong thời gian chung sống, bà C và ông N có sinh 01 con chung tên Lê Nguyễn Nhật M, sinh ngày 04/7/2020. Thời gian đầu vợ, chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm.

Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông N; bà C yêu cầu được nuôi dạy con chung tên Lê

Nguyễn Nhật M, sinh ngày 04/7/2020; không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi dạy con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông N vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Hôn nhân của bà C với ông N là do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau, tình cảm không còn, bà C yêu cầu được ly hôn với N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý cho ông N và đã tiến hành hòa giải nhiều lần để cho vợ chồng có thời gian tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, tuy nhiên không được. Qua kết quả xác M tại ấp Th, xã P được biết, ông N có biết việc bà C khởi kiện ly hôn nhưng các lần Tòa án hòa giải ông đều vắng mặt không lý do, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà C cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó thấy rằng, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà C đề nghị tòa án xét xử cho bà được ly hôn ông N là có căn cứ, cần chấp nhận.

*Về con chung:* Có 01 con chung Lê Nguyễn Nhật M, sinh ngày 04/7/2020 đang sống cùng với bà C, cuộc sống đang ổn định, bà C có việc làm, chỗ ở ổn định, có khả năng nuôi dưỡng con chung nên nguyện vọng được nuôi con chung Lê Nguyễn Nhật M của bà C là phù hợp quy định pháp luật, cần chấp nhận; ghi nhận sự tự nguyện của bà C, về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của N đơn, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

[1.1] Về thẩm quyền: N đơn bà Nguyễn Thị Lệ C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Tường N. Ông N cư trú tại tổ B, ấp Th, xã P, thành phố X, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà C có đơn đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa; ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C, ông N.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ C và ông Lê Tường N chung sống với nhau từ năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố X, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 42/2019, ngày 24/12/2019 nên là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau Ca sể, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng bà C, ông N đã không còn sống chung với nhau từ năm 2020 cho đến nay, bà C, ông N mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc ai. Tòa án tiến hành xác M tại nơi cư trú của ông N, hiện ông N đang đi làm ở xa, thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Việc bà C khởi kiện xin ly hôn ông N có biết nhưng không chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà C.

Từ những căn cứ nêu trên, nhận thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà C với ông N là trầm trọng, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc ly hôn với ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà C xác định trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên Lê Nguyễn Nhật M, sinh ngày 04/7/2020. Từ khi sinh ra đến nay, cháu M sống cùng với bà C, đến năm 2020 khi bà C, ông N không còn chung sống với nhau thì bà C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M. Bà C có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà C, giao cháu Lê Nguyễn Nhật M, sinh ngày 04/7/2020 cho bà C tiếp tục nuôi dạy.

Bà Nguyễn Thị Lệ C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Tường N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Bà C có quyền khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung (nếu có).

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Lệ C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002052 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố X.

Ông Lê Tường N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ C.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Lệ C được ly hôn với ông Lê Tường N.

[2] Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Lệ C được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lê Nguyễn Nhật M, sinh ngày 04/7/2020.

Bà Nguyễn Thị Lệ C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lê Tường N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Lệ C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0002052 ngày 25 tháng 3 năm 2022 của C cục Thi hành án dân sự thành phố X; bà C đã nộp đủ án phí.

Ông Lê Tường N không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 42/2019, ngày 24/12/2019 của Ủy ban nhân dân xã P, thành phố X, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[5] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ C, ông Lê Tường N là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. X (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- C cục THADS TP.X (1);
- Các đương sự;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Hiếu Trung**